

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 12 năm 2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tụ
2. Ông Trần Quang Đương

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXX-ST ngày 06/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1988
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
Nơi cư trú: Nhà Văn Hóa L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1987
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh T1 đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Lương Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh T1 có tự do, tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2018 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã A một thời gian sau đó chuyển đi làm

ăn tại tỉnh Bắc Ninh. Vợ chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, hai bên không hợp nhau về cách sống, luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 04/2021 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T1 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tiến.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy N sinh ngày 11/10/2019. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại Chị T đang làm công nhân tại công ty TNHH Funing Precision (Bắc Ninh) địa chỉ: Lô B, khu công nghiệp Q, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Thu nhập hàng tháng của Chị T từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Anh T1 trình bày tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa như sau:* Về quá trình, điều kiện kết hôn, như Chị T trình bày như trên là đúng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Hiện nay Chị T vẫn làm tại tỉnh Bắc Ninh còn anh về sinh sống tại xã A. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nay Chị T có đơn xin ly hôn anh xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, anh không đồng ý ly hôn. Nếu hòa giải không thành thì anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy N sinh ngày 11/10/2019, hiện con chung đang ở cùng anh. Nếu ly hôn anh đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh T1 làm lao động tự do thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn Đ, xã A,, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Anh T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 02/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã A một thời gian thì đi làm ăn tại tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng Chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn hay không thì cơ sở thôn không nắm rõ, từ tháng 4/2021 anh T1 về xã A sinh sống cho đến nay, Chị T vẫn làm ăn tại tỉnh Bắc Ninh. Nay Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng Chị T, anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy N sinh ngày 11/10/2019, hiện con chung đang ở cùng anh Tiến, ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chấp hành chưa tốt quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Lương Thị T và anh Nguyễn Anh T1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị T, anh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/02/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay không hồi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị T đề nghị ly hôn nhưng anh T1 không đồng ý ly hôn và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho chị được ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy N sinh ngày 11/10/2019. Ly hôn anh, chị đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Chị T, anh T1 là chính đáng. Anh, chị đều có công việc và thu

nhập ổn định. Tuy nhiên cháu Nguyễn Thùy N sinh ngày 11/10/2019 dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, mặt khác Chị T cung cấp được tài liệu chứng minh thu nhập ổn định đang làm việc tại công ty TNHH Funing Precision (Bắc Ninh) địa chỉ: Lô B, khu công nghiệp Q, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; anh T1 không cung cấp được tài liệu chứng minh nguồn thu nhập. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Thùy N cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị T, anh Nguyễn Anh T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lương Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Anh T1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thùy N sinh ngày 11/10/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh T1 phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0004484 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị T, anh Nguyễn Anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh

